Mẫu số 31-VDS (Ban hành kèm theo Nghị quyết số 04/2018/NQ-HĐTP ngày 09 tháng 8 năm 2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao)

TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN TX.** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 468/2018/QĐST-HNGĐ	*TX., ngày 29 tháng 10 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TX. - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ khoản 2 Điều 29, Điều 212, 213 và khoản 1, 2, 4 Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 55, 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 552/2018/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 10 năm 2018 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

Anh **Vũ Tiến Đ.**, sinh năm: 1968

HKTT và trú tại: Số 23/86/42 phố Tô Vĩnh Diện, phường Khương Trung, quận TX., thành phố Hà Nội.

và chị **Nguyễn Quỳnh A.**, sinh năm: 1971

HKTT và trú tại: Số 23/86/42 phố Tô Vĩnh Diện, phường Khương Trung, quận TX., thành phố Hà Nội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Vũ Tiến Đ. và chị Nguyễn Quỳnh A. và kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký tại Đại sứ quán Việt Nam tại Liên bang Nga ngày 23 tháng 9 năm 1993.

Anh chị chung sống hạnh phúc đến tháng 03 năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính cách không hợp nhau. Anh chị xác nhận tình cảm không còn và thống nhất thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Anh chị có 02 con chung tên là: Vũ Dạ Quỳnh Tr., sinh ngày: 24/2/1992 và Vũ Nhật L., sinh ngày: 09/2/2002.

Cháu Vũ Dạ Quỳnh Tr. đã trưởng thành, ở với ai là do cháu tự quyết định.

Anh chị thỏa thuận, sau khi ly hôn chị Quỳnh A. được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Vũ Nhật L.. Tạm hoãn cấp dưỡng nuôi con đối với anh Đ. cho đến khi có sự thay đổi.

[3] Về tài sản chung: Anh chị không có tài sản, nhà ở chung và không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

[4] Về lệ phí ly hôn sơ thẩm: Anh chị, tự nguyện chịu lệ phí theo quy định pháp luật.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Vũ Tiến Đ. và chị Nguyễn Quỳnh A. và thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Anh chị có 02 con chung tên là: Vũ Dạ Quỳnh Tr., sinh ngày: 24/2/1992 và Vũ Nhật L., sinh ngày: 09/2/2002.

Cháu Vũ Dạ Quỳnh Tr. đã trưởng thành, ở với ai là do cháu tự quyết định.

Anh chị thỏa thuận, sau khi ly hôn chị Quỳnh A. được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Vũ Nhật L.. Tạm hoãn cấp dưỡng nuôi con đối với anh Đ. cho đến khi có sự thay đổi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Anh chị không có tài sản, nhà ở chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh Vũ Tiến Đ. và chị Nguyễn Quỳnh A. mỗi người phải chịu 150.000 đồng lệ phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0005402 và 0005401 ngày 17 tháng 10 năm 2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận TX., thành phố Hà Nội.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND Q. TX.;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Lan Anh